

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 08/01/2025
V/v Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong Hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thu Đoàn.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi:
Bà Võ Duy Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng gia công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-DS ngày 19/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đ, thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1988 và bà Trần Thị V, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đ, thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, ông Nguyễn M và bà Mai Thị H có mặt; ông Lê Quang N và bà Trần Thị V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung 15/5/2024, bản tự khai ngày 02/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:

Năm 2020, ông Lê Quang N có đặt ông làm đồ nội thất gỗ với số tiền 210.000.000 đồng. Đến tháng 01/2021 ông đã bàn giao, lắp ráp đầy đủ các hạng mục và ông N đã thanh toán cho ông số tiền 190.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Ông có đến nhà ông N nhiều lần để đòi số tiền nợ 20.000.000 đồng nhưng ông N trốn tránh không trả, còn thách thức, dọa đánh ông. Vì vậy, năm 2023 ông khởi kiện ông N, ông N đồng ý trả số tiền 5.000.000 đồng và hứa đến ngày 10/02/2024 âm lịch sẽ tiếp tục trả cho ông số tiền 5.000.000 đồng. Nếu ông N thực hiện đúng cam kết như trên thì ông đồng ý không tiếp tục yêu cầu ông N trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại. Hai bên thống nhất nên ông N đã viết lại một giấy nợ khác ghi nợ ông số tiền 5.000.000 đồng, hứa đến ngày 10/02/2024 âm lịch sẽ trả tiền nên ông đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến ngày 10/02/2024 âm lịch ông N vẫn không trả tiền cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Sơn Tịnh buộc ông N và vợ ông Nghĩa là bà Trần Thị V phải thanh toán cho ông số tiền nợ gia công đồ gỗ nội thất là 5.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quang N trình bày:

Đầu năm 2020 khi ông Nguyễn Minh B ông làm nhà nên ông M đã nhiều lần liên hệ ông để cung cấp toàn bộ đồ gỗ nội thất cho ngôi nhà của ông. Sau khi tính toán ông đã đồng ý mua toàn bộ nội thất gỗ được ông M sản xuất từ gỗ rừng tự nhiên cho ngôi nhà của ông. Vào tháng 12/2020 (âm lịch) ông M lắp ráp xong nội thất thì ông phát hiện ông M lắp tủ bếp bằng gỗ tươi, ông có phản ánh lại thì ông M nói sau này sẽ bù lại. Sau khi ông M dự toán và báo với ông tổng số tiền 210.000.000 đồng thì ông đã thanh toán cho ông M số tiền 170.000.000 đồng và có viết giấy nợ ông M 40.000.000 đồng. Đầu năm 2021, ông thanh toán cho ông M 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại ông yêu cầu ông M bảo hành tủ bếp vì làm bằng gỗ tươi nên xì mù, thay trụ đề ba bị nứt. Ngày 16/8/2023 ông M có đơn khởi kiện ông. Thời điểm này vợ ông sắp sinh con nhỏ, ông sợ bị ảnh hưởng thai nhi nên ông đã đồng ý thoả thuận với ông M trừ lại cho ông 10.000.000 đồng để ông tự sửa chữa, bảo hành nội thất ngôi nhà của ông. Ông thanh toán cho ông M 5.000.000 đồng.

Ông công nhận còn nợ ông M 5.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán đồ gỗ với ông M, không phải theo Hợp đồng gia công theo như thông báo thụ lý vụ án. Trường hợp ông M cung cấp cho ông hoá đơn bán hàng, bảng kê kích thước đồ gỗ nội thất thì ông đồng ý trả 5.000.000 đồng cho ông M.

Bị đơn bà Trần Thị V đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2024, biên bản làm việc ngày 11/12/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H trình bày:

Bà là vợ nguyên đơn ông Nguyễn M, việc ông M làm đồ gỗ nội thất cho ông Nghĩa L việc riêng của ông M, không liên quan đến bà và bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền ông M yêu cầu vợ chồng ông N, bà V trả. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách của những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh B1 ông Lê Quang N và bà Trần Thị V phải trả cho ông Nguyễn Minh S tiền 5.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự: Được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn M có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Quang N, bà Trần Thị V phải trả tiền nợ còn lại của Hợp đồng làm đồ gỗ nội thất, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng gia công*”. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội

đồng xét xử chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Quang N và bà Trần Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên toà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để ông Lê Quang N, bà Trần Thị V đến Tòa án làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, chỉ có ông N có mặt và trình bày tự khai, bà V vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 647/TB-TA ngày 01/10/2024 cho bà V theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn bà V phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M yêu cầu vợ chồng ông Lê Quang N, bà Trần Thị V phải trả cho ông M số tiền gia công đồ gỗ nội thất còn lại là 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định thì giao dịch gia công làm đồ gỗ nội thất giữa ông M với ông N không bắt buộc phải thoả thuận bằng văn bản. Tuy nhiên, ngày 12/01/2021 ông N có lập Hợp đồng làm đồ gỗ nội thất (giấy viết tay), đặt ông M làm đồ nội thất và trong hợp đồng chỉ có ông Nghĩa L bên chủ nhà ký vào hợp đồng. Mặc dù, ông M không ký vào hợp đồng làm đồ gỗ nội thất ngày 12/01/2021 nhưng ông M đã thống nhất với hợp đồng này, thể hiện là hai bên đương sự đã lập Giấy xác nhận mua bán đồ gỗ nội thất ngày 23/11/2023, ông M đã bàn giao và lắp đặt toàn bộ cửa, cầu thang, tủ bếp cho ngôi nhà của ông N theo hợp đồng làm đồ gỗ nội thất ngày 12/01/2021. Nội dung giấy xác nhận ngày 23/11/2023 thể hiện: Hai bên thống nhất tổng số tiền đồ nội thất theo thoả thuận là 210.000.000 đồng; trừ lại cho ông N 10.000.000 đồng là phí bảo hành, bảo dưỡng để ông N tự làm; ông N đã thanh toán cho ông M 195.000.000 đồng, còn nợ lại ông M 5.000.000 đồng. Đồng thời ông N có viết giấy còn nợ lại ông M 5.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/02/2024 (âm lịch) sẽ trả dứt điểm. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông N công nhận là còn nợ ông M 5.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị V và ông Lê Quang N là vợ chồng, cùng sinh sống chung, ông N thoả thuận với ông M gia công đồ gỗ nội thất ngôi nhà là để phục vụ sinh hoạt, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên số tiền nợ còn lại nói trên

bà V, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Đối với trình bày của ông N công nhận còn nợ ông M 5.000.000 đồng theo Hợp đồng mua bán đồ gỗ, không phải theo Hợp đồng gia công theo thông báo thụ lý vụ án; những ý kiến phản đối cho rằng ông M phải trả lại giấy nợ 40.000.000 đồng mà ông đã ghi nợ ông M trước đó, cung cấp hóa đơn bán hàng và bảng kê kích thước đồ gỗ nội thất cho ông thì ông đồng ý trả cho ông M 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công. Theo Hợp đồng làm đồ gỗ nội thất ngày 12/01/2021 và Giấy xác nhận mua bán đồ gỗ nội thất ngày 23/11/2023 thì ông M đã làm các sản phẩm là cửa, tủ bếp, cầu thang và lắp đặt cho ngôi nhà của ông N. Do đó, theo nhận định tại mục [1.1] thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong thông báo thụ lý vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông M trình bày: Ông không giữ giấy nợ 40.000.000 đồng do ông N ghi nợ ông. Ông xác nhận giữa ông và ông N không có liên quan gì đến khoản nợ 40.000.000 đồng như ông N ý kiến. Ông N chỉ còn nợ ông 5.000.000 đồng tiền làm đồ gỗ nội thất mà ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N phải trả trong vụ án này.

Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đều không chứng minh được việc ông và ông M có thỏa thuận việc ông M phải cung cấp hóa đơn bán hàng, bảng kê kích thước đồ gỗ nội thất cho ông thì ông trả số tiền nợ 5.000.000 đồng còn lại cho ông M.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Minh L1 có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh B1 ông Lê Quang N, bà Trần Thị V phải trả cho ông Nguyễn Minh S tiền còn nợ 5.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K yêu cầu ông Lê Quang N, bà Trần Thị V trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, Điều 280, Điều 401, Điều 542, Điều 543, Điều 544, Điều 552 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh đôi V1 bị đơn ông Lê Quang N, bà Trần Thị V về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng gia công*”.

2. Buộc ông Lê Quang N và bà Trần Thị V phải trả cho ông Nguyễn Minh S tiền còn nợ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Quang N, bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0002283 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu: An văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thanh Tân**